**TOÁN ( TIẾT 7)**

**Bài 3: SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU ( Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-**Nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.

- Tính được hiệu khi biết số bị trừ, số trừ.

**2. Năng lực:**

- Phát triển 3 năng lực chung và năng lực đặc thù Toán học *(NL giải quyết vấn đề Toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ và phương tiện toán học*).

**-** Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**\* Giáo viên:** - Máy tính, bài giảng điện tử.

**\* Học sinh**: -VBT, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1 .HĐ mở đầu: (4- 5’)***\*MT: Ôn tập củng cố cho học sinh và từng bước làm quen bài học.**\*CTH:*- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh – Ai đúng.- GV yêu cầu HS nêu tên gọi các thành phần của phép cộng mà mình vừa làm- GV dẫn dắt vào bài mới.**2. Hình thành kiến thức: (12- 13’)**\**MT: Giúp HS biết thành phần tên gọi số bị trừ, số trừ, hiệu.**\*CTH:*- GV đưa ra bức tranh phần khám phá, cho HS quan sát.+ Tranh vẽ gì?+ Lúc đầu có tất cả bao nhiêu con chim?+ Có mấy con chim bay đi?+ Lúc này trên cành còn lại mấy con chim?- Nhìn tranh và nêu cho cô bài toán.+ Để biết được còn lại bao nhiêu con chim ta thực hiện phép tính gì? Nêu phép tính thích hợp.- Nêu câu trả lời cho bài toán.- Từ phép tính đã lập được, GV HDHS nhận biết số bị trừ, số trừ, hiệu.*+ Từ phép trừ 12 – 2 = 10, GV cho HS biết đâu là số bị trừ, số trừ và hiệu (12 – 2 cũng gọi là hiệu).* - GV yêu cầu đưa ra VD về phép trừ khác, HS vận dụng nêu được số bị trừ, số trừ, hiệu.  **3. Luyện tập – Thực hành: (14 -15’)** \**MT: Giúp HS dựa vào thành phần tên gọi trong phép trừ vận dụng vào giải toán.**\*CTH:**Bài 1:* - Gọi HS đọc YC bài.**-** GV nêu BT1.- GV HD HS nêu tên các thành phần trong phép trừ. **-** GV cho HS báo cáo kết quả.- GV nhận xét và chốt ý: *Các thành phần trong phép trừ gồm SBT, ST và Hiệu.*- Nhận xét, tuyên dương.*Bài 2:*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?- GV HD HS tính nhẩm để tìm ra hiệu khi biết SBT, ST, rồi nêu, viết hiệu vào ô có dấu “?”. **-** GV cho HS nêu miệng kết quả.**-** GV cho HS giải thích cách tìm ra số để điền vào dấu “?”.- GV nhận xét và chốt ý: *Hiệu là kết quả của phép trừ.**Bài 3*- Gọi HS đọc YC bài.- Bài yêu cầu làm gì?*Nếu HS không đặt tính rồi tính mà nhẩm ra được kết quả thì cũng được.* - GV nhận xét, chốt nội dung*: Khi làm tính trừ theo cột dọc cần lưu ý: viết số thẳng cột, thực hiện tính từ phải sang trái.*- GV nhận xét, khen ngợi HS.Bài 4: Nêu yêu cầu+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì? - GV cho HS nêu miệng phép tính và câu trả lời. - GVHDHS viết vào vở bài 4.- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.**4. Vận dụng trải nghiệm: (4 - 5’)***\*MT:**Giúp HS củng cố, khắc sâu ND bài.**\*CTH:*- Hôm nay em học bài gì? - Về nhà vận dụng bài học làm bài tập.- Nhận xét giờ học. | - HS chơi- HS nêu- HS nghe**-** HS trả lời.- HS quan sát và nêu nội dung tranh.*+ Tranh vẽ có một số con chim đang đậu trên cành cây và có hai con chim đang bay đi.**+ Lúc đầu có 12 con chim đậu trên cành.**+ Có 2 con chim bay đi.**+ Còn lại 10 con đậu trên cành.*- HS nhìn tranh nêu bài toán: *Lúc đầu trên cành cây có 12 con chim. Có 2 con chim bay đi. Hỏi trên cành cây còn lại bao nhiêu con chim?*- HS nêu phép tính trừ: 12 – 2 = 10*Còn lại 10 con chim.*- HS vận dụng nêu được số bị trừ, số trừ, hiệu ở phép tính cụ thể.- HS chia sẻ:Bài tập 1: Số?- HS đọc.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- HS trả lời.- HS nêu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số bị trừ |  86 | 47 |
| Số trừ |  32 |  20 |
| Hiệu | 54 | **27** |

- HS ngheBài tập 2:- HS đọc.- HS trả lời.- HS quan sát.- HS thực hiện làm bài cá nhân.- HS nghe

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số bị trừ |  57 | 68 | 90 | 73 |
| Số trừ |  24 |  45 | 40 | 31 |
| Hiệu | 33 | **23** | **50** | **42** |

Bài tập 3:- HS đọc.- HS trả lời.- HS trả lời: 68 25**43**-49 16**33**-8552**53**-76 34**42**- - HS nêu.- HS chia sẻ.- HS ngheBài tập 4:+ *Trong bến có 15 ô tô, có 3 xe rời bến.**+ Hỏi còn lại mấy ô tô trong bến.*- HS nêu phép tính và câu trả lời. - HS nhận xét, viết vào vở bài làm.Chốt câu trả lời.15 – 3 = 12 Bến xe còn lại 12 ô tô - HS nghe.- HS chia sẻ- HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *( nếu có).*

*..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*